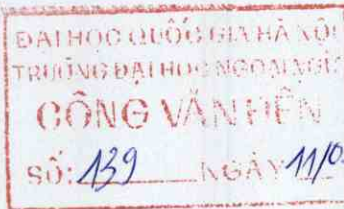


Số: 382 /QĐ-ĐHQGHN

Hà Nội, ngày 27 tháng 01 năm 2014



K/1 - A. Minh (PHT)  
- P. Đào tạo  
- K.T. Anh

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc ban hành đề cương môn học Tiếng Anh B2

**GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI**

11/02/14  
*[Signature]*

Căn cứ Nghị định số 186/2013/NĐ-CP, ngày 17/11/2013 của Chính phủ về Đại học Quốc gia;

Căn cứ Quy chế đào tạo đại học ở Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành theo Quyết định số 3079/QĐ-ĐHQGHN, ngày 26 tháng 10 năm 2010, được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 685/QĐ-ĐHQGHN, ngày 08 tháng 3 năm 2013 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội;

Xét đề nghị của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại ngữ;

Xét đề nghị của Trưởng Ban Đào tạo,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo quyết định này đề cương môn học Tiếng Anh B2, mã số: FLF1108.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày kí và thay thế cho quyết định số 1328/QĐ-ĐT, ngày 29/4/2010 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng, Trưởng Ban Đào tạo và Thủ trưởng các đơn vị đào tạo chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. *[Signature]*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ĐT, T20.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



*[Signature]*  
**Nguyễn Kim Sơn**



**ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC**  
**TIẾNG ANH B2, MÃ SỐ FLF1108**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 332/QĐ-ĐHQGHN, ngày 27 tháng 01 năm 2014  
của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội)*

**1. Thông tin về giảng viên**

Giảng viên Khoa Tiếng Anh, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội.

**2. Thông tin chung về môn học**

- Tên môn học: **Tiếng Anh B2**

- Mã môn học: **FLF1108**

- Số tín chỉ: **5**

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập: 75 giờ tín chỉ

+ *Lí thuyết:* 30

+ *Thực hành:* 37

+ *Tự học:* 08

- Môn học: **Bắt buộc**

- Môn học tiên quyết: Tiếng Anh B1, mã số FLF1107

- Địa chỉ khoa phụ trách môn học: Khoa Tiếng Anh, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội.

**3. Mục tiêu môn học**

**3.1. Mục tiêu chung**

*Kết thúc môn học, sinh viên có thể:*

- **Nắm được ý chính của những ngôn bản phức tạp xoay quanh những chủ đề trừu tượng hoặc cụ thể, bao gồm cả những cuộc thảo luận về các vấn đề thuộc chuyên môn của người học;**
- **Giao tiếp khá trôi chảy mà không cần chuẩn bị nhiều, qua đó có thể trao đổi thường xuyên với người bản ngữ mà không gây khó khăn trong giao tiếp;**

- Tạo ra các văn bản rõ ràng, cụ thể về nhiều chủ đề khác nhau; có thể diễn giải quan điểm đối với một vấn đề có tính thời sự, biết trình bày về cả mặt lợi và hại của một vấn đề.

### **3.2. Mục tiêu cụ thể**

#### **3.2.1. Về kiến thức ngôn ngữ**

##### **Ngữ âm**

*Kết thúc môn học, sinh viên có thể:*

- Phát âm tương đối rõ ràng;
- Ngữ điệu tương đối tự nhiên.

##### **Ngữ pháp**

*Kết thúc môn học, sinh viên có thể:*

- Sử dụng vốn ngữ pháp tốt, đôi khi còn sơ xầy, mắc các lỗi không có tính hệ thống hay các sai sót nhỏ trong cấu trúc câu, nhưng những lỗi đó là hiếm và có thể được người nói chỉnh sửa khi nói lại;
- Có khả năng sử dụng ngữ pháp khá tốt, không mắc các lỗi có thể dẫn đến hiểu lầm.

##### **Từ vựng**

*Kết thúc môn học, sinh viên có thể:*

- Có vốn từ vựng tốt, bao gồm các từ liên quan đến chuyên ngành của người học cũng như các chủ đề quen thuộc;
- Đa dạng hoá cách chọn lựa từ để tránh việc lặp lại từ thường xuyên, nhưng sự thiếu hụt từ vựng có thể dẫn đến sự ngắc ngứ hay lối nói vòng;
- Có độ chính xác về từ vựng tương đối cao, tuy nhiên đôi chỗ còn khó hiểu và chọn từ sai nhưng không làm ảnh hưởng tới giao tiếp.

#### **3.2.2. Về các kỹ năng ngôn ngữ**

##### **Kỹ năng đọc**

*Kết thúc môn học, sinh viên có thể:*

- Đọc với khả năng độc lập cao, điều chỉnh phương thức và tốc độ đọc phù hợp với các loại bài đọc khác nhau và tùy theo mục đích đọc cụ thể;

- Sử dụng các nguồn tài liệu tham khảo một cách có chọn lọc;
- Có một vốn từ vựng thuộc giao tiếp hàng ngày rộng, tuy nhiên có thể gặp khó khăn với những thành ngữ ít dùng;
- Đọc thư từ liên quan đến lĩnh vực mà mình ưa thích và không khó khăn gì để nắm được ý chính;
- Đọc lướt nhanh qua các bài đọc dài và phức tạp nhằm xác định thông tin phù hợp;
- Nhanh chóng xác định được nội dung và độ phù hợp của các bản tin, bài báo và báo cáo về nhiều chủ đề chuyên môn khác nhau, qua đó quyết định xem có đáng tiến hành các nghiên cứu sâu hơn hay không;
- Thu thập được thông tin, ý tưởng từ các nguồn thuộc chuyên ngành của bản thân;
- Hiểu được các bài báo chuyên ngành nằm ngoài chuyên môn của bản thân, đôi khi vẫn phải sử dụng từ điển để xác nhận cách hiểu của mình về các thuật ngữ chuyên ngành;
- Hiểu được các bài báo và báo cáo liên quan đến các vấn đề 'thời sự', ở đó người viết đứng trên một lập trường hay quan điểm nhất định;
- Hiểu được các chỉ dẫn dài, phức tạp về chuyên môn của mình, bao gồm cả những chi tiết về các điều khoản và khuyến cáo, nhưng vẫn cần đọc lại những đoạn khó.

### **Kĩ năng nghe**

*Kết thúc môn học, sinh viên có thể:*

- Hiểu được ngôn ngữ nói chuẩn, dù là trực tiếp hay qua các phương tiện truyền thông, về các vấn đề quen thuộc hay xa lạ trong cuộc sống hàng ngày, xã hội, học tập và lao động. Khả năng nghe hiểu chỉ bị ảnh hưởng bởi tiếng ồn lớn trong ngữ cảnh, những cấu trúc diễn ngôn không phù hợp và khi người nói sử dụng thành ngữ;
- Nắm được ý chính của những ngôn bản phức tạp xoay quanh các chủ đề cụ thể cũng như trù tượng được truyền tải bằng giọng chuẩn, bao gồm cả những cuộc bàn luận có tính chuyên ngành thuộc chuyên môn người học;
- Bắt kịp với những cuộc trò chuyện sôi nổi của người bản xứ;

- Theo dõi được các ngôn bản dài và các đoạn lập luận phức tạp với các chủ đề quen thuộc và bài nói được định hướng rõ ràng bởi các từ gợi mở, định hướng;
- Nắm bắt được nội dung truyền tải, nhưng còn thấy khó khi tham gia vào các cuộc thảo luận với một vài người bản xứ khi họ không chịu điều chỉnh ngôn ngữ của họ;
- Theo dõi được các điểm chính của một bài giảng, bài nói chuyện và báo cáo, cũng như các kiểu trình bày học thuật có tính phức tạp về cả mặt ý nghĩa và ngôn ngữ sử dụng;
- Hiểu được các thông báo và thông điệp về những chủ đề cụ thể hay trừu tượng được trình bày bằng giọng chuẩn và tốc độ bình thường;
- Hiểu được các đoạn nghe có giọng chuẩn và hay gặp trong xã hội, chuyên môn hay học tập và có thể xác định được quan điểm và thái độ của người nói cũng như nội dung thông tin;
- Hiểu được hầu hết các đoạn phóng sự tài liệu trên đài và các loại tư liệu ở dạng ghi âm và phát sóng được phát âm với giọng chuẩn và có thể xác định được tâm trạng và giọng điệu của người nói,...

### **Kĩ năng nói**

*Kết thúc môn học, sinh viên có thể:*

- Miêu tả hay trình bày rõ ràng, hệ thống và có phát triển ý, trong đó biết tạo điểm nhấn và đưa ý bổ sung phù hợp;
- Miêu tả và trình bày một cách rõ ràng, cụ thể về nhiều kiểu chủ đề liên quan đến lĩnh vực ưa thích, mở rộng và phát triển ý với các ý phụ và ví dụ phù hợp;
- Sử dụng ngôn ngữ một cách trôi chảy, chính xác và hiệu quả khi nói về các chủ đề chung, chủ đề học thuật, việc làm hay vui chơi giải trí, các ý được liên kết chặt chẽ với nhau;
- Sử dụng ngôn ngữ có độ trang trọng phù hợp với văn cảnh;
- Giao tiếp với mức độ trôi chảy và tức thì, giúp duy trì sự tương tác thường xuyên và duy trì mối quan hệ với người bản xứ mà không để hai bên tham gia hội thoại thấy vất vả;

- Giao tiếp tự nhiên, thường xuyên cho thấy khả năng nói trôi chảy, diễn đạt dễ dàng ngay cả trong những lượt nói dài;
- Nói trong một thời gian dài mà vẫn giữ được nhịp điệu; mặc dù đôi lúc có thể ngắt ngứ do phải tìm mẫu thức và thuật ngữ nhưng cũng không để người nghe thấy ngừng lại quá lâu;
- Phát triển lập luận một cách hệ thống; nhấn mạnh các điểm quan trọng một cách phù hợp với các ý phụ;
- Phát triển lập luận rõ ràng, mở rộng và củng cố luận điểm của mình tương đối đầy đủ với các ý phụ và dẫn chứng phù hợp;
- Thiết lập một chuỗi các lập luận có cơ sở vững chắc;
- Trình bày quan điểm về một vấn đề thời sự, biết chỉ ra điểm lợi và hại của các phương án khác nhau;
- Miêu tả một cách rõ ràng, cụ thể nhiều chủ đề liên quan đến sở thích cá nhân;
- Thực hiện những thông báo về các chủ đề chung chung với một mức độ rõ ràng, trôi chảy và tức thì mà không gây khó khăn hay bất tiện cho người nghe;
- Trình bày một cách rõ ràng, hệ thống và có bố cục, biết tạo điểm nhấn cho những điểm quan trọng và biết bổ sung ý phụ phù hợp;
- Tách khỏi những văn bản chuẩn bị trước để bàn thêm về những điểm lí thú nêu ra, cho thấy rõ khả năng nói trôi chảy và chọn từ dễ dàng;
- Trình bày các bài thuyết trình được chuẩn bị từ trước một cách rõ ràng, đưa ra các lí do để đồng tình hay phản đối một quan điểm cụ thể cũng như chỉ ra mặt lợi và hại của nhiều phương án;
- Xử lí một chuỗi các câu hỏi phát sinh một cách tương đối trôi chảy và tức thì mà không gây khó khăn cho bản thân và người nghe;
- Hiểu chi tiết những điều được nói cho mình nghe với ngôn ngữ nói chuẩn, cho dù trong điều kiện ồn ào.

### **Kĩ năng viết**

*Kết thúc môn học, sinh viên có thể:*

- Viết các văn bản rõ ràng, chi tiết về nhiều chủ đề quen thuộc, có thể tổng hợp và đánh giá thông tin và lập luận từ nhiều nguồn;
- Viết các bài miêu tả rõ ràng, chi tiết về các sự kiện hay trải nghiệm có thật hay tưởng tượng, làm rõ mối quan hệ giữa các ý trong bài viết và tuân thủ các quy chuẩn của thể loại đang viết;
- Viết các bài miêu tả rõ ràng, chi tiết về nhiều chủ đề liên quan đến sở thích của mình;
- Viết một bài bình luận cho một bộ phim, cuốn sách hay vở kịch;
- Tổng kết thông tin và lập luận từ nhiều nguồn khác nhau;
- Dẫn đạt tin tức và quan điểm hiệu quả trong khi viết và kể, có khả năng liên hệ tới các tin tức và quan điểm khác khi viết;
- Viết thư truyền tải các cung bậc cảm xúc và nhấn mạnh mức quan trọng của những sự kiện với bản thân; đưa ra nhận định về tin tức và quan điểm của người viết thư;
- Ghi chú để truyền đạt các thông tin tới bạn bè, những người làm dịch vụ, thầy cô và người khác, có thể truyền tải được một cách dễ hiểu những điểm mà mình cho là quan trọng;
- Hiểu được một bài giảng có bố cục rõ ràng xoay quanh một chủ đề quen thuộc, và có thể ghi lại được các điểm quan trọng theo đánh giá của bản thân, mặc dù có phần 'sa đà' vào việc 'bắt' được một số từ nên dễ lẫn mất một số thông tin khác.

### 3.2.3. Các nhóm kỹ năng khác

*Kết thúc môn học, sinh viên có thể:*

- Làm việc theo nhóm một cách tương đối hiệu quả;
- Tìm kiếm và khai thác thông tin trên mạng Internet để phục vụ cho môn học;
- Có thể thuyết trình trong khoảng 10 phút về một vấn đề được giao với ngôn ngữ rõ ràng và tương đối đơn giản;
- Bước đầu sử dụng tư duy phê phán để giải quyết các vấn đề trong học tập.

### 3.3. Mục tiêu về thái độ

- Xác định rõ được tầm quan trọng của môn học và có ý thức cao độ trong việc học hỏi nắm bắt nội dung môn học;
- Phát huy tối đa tinh thần tự học thông qua nghiên cứu sách ngữ pháp, đọc thêm các tài liệu trên mạng Internet,...;
- Thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, làm việc và nộp bài đúng hạn;
- Tự giác trong học tập và trung thực trong thi cử;
- Phát huy tối đa khả năng sáng tạo khi thực hiện các hoạt động trên lớp cũng như ở nhà;
- Tham gia tích cực và có tinh thần xây dựng và óc tư duy sáng tạo và phê phán vào các hoạt động trên lớp;
- Chia sẻ thông tin với bạn bè và với giảng viên;
- Chủ động đặt câu hỏi về những thắc mắc của mình.

#### 4. Tóm tắt nội dung môn học

*Môn học Tiếng Anh B2 cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng hợp về:*

- Các vấn đề ngữ pháp tiếng Anh nâng cao dành cho sinh viên trình độ trung cấp như việc sử dụng từ nối, các cấu trúc diễn đạt phổ biến trong các bài giảng ở bậc đại học, ...;
- Những từ vựng được sử dụng trong cuộc sống thường ngày và học tập như sức khỏe, giải trí, các mối quan hệ, các vấn đề khoa học;
- Ngữ âm và ngữ điệu được sử dụng trong các cuộc hội thoại, tranh luận và các bài giảng.

#### 5. Nội dung chi tiết môn học

Nội dung	Các tiêu mục
<b>Nhập môn</b>	- Giới thiệu chương trình học (mục tiêu, nội dung, giáo trình, kiểm tra - đánh giá môn học) - Định hướng phương pháp học môn học Tiếng Anh B2
<b>Nội dung 1: Studying</b>	- <b>Các kĩ năng ngôn ngữ:</b> + <b>Đọc:</b> Đọc quét và đọc lướt; đoán nội dung bài đọc.



Nội dung	Các tiêu mục
<p><b>Overseas</b></p>	<p>+ Nói: Trả lời các câu hỏi về bản thân, phát triển câu trả lời.</p> <p>- <b>Các dạng bài làm:</b></p> <p>+ Đọc: Câu trả lời ngắn; phân loại và chọn True/ False/ Not Given</p> <p>+ Nói: Giới thiệu và phỏng vấn</p>
<p><b>Nội dung 2:</b></p> <p><b>Shopping and the Internet</b></p>	<p>- <b>Các kỹ năng ngôn ngữ:</b></p> <p>+ Nghe: Tưởng tượng ra tình huống và ngôn ngữ sử dụng; nhận dạng câu hỏi; nhận dạng câu trả lời</p> <p>+ Viết: Hiểu bảng biểu và đồ thị; miêu tả thông tin chung và cụ thể, so sánh và đối chiếu số liệu</p> <p>- <b>Các dạng bài làm:</b></p> <p>+ Nghe: Hoàn thành biểu mẫu và ghi nhớ</p> <p>+ Viết: Miêu tả đồ thị dạng thanh, biểu đồ hình tròn và bảng biểu</p>
<p><b>Nội dung 3:</b></p> <p><b>Jobs and job-hunting</b></p>	<p>- <b>Các kỹ năng ngôn ngữ:</b></p> <p>+ Đọc: Xác định từ khóa và các cách diễn đạt đồng nghĩa</p> <p>+ Nói: Kiểm tra bản thân hiểu đúng chủ điểm; sắp xếp các ý</p> <p>- <b>Các dạng bài làm:</b></p> <p>+ Đọc: Ghép thông tin với các đoạn trong bài đọc; hoàn thành bảng biểu; hoàn thành câu</p> <p>+ Nói: Nói về một vấn đề được yêu cầu</p>
<p><b>Nội dung 4:</b></p> <p><b>Crime and Punishment</b></p>	<p>- <b>Các kỹ năng ngôn ngữ:</b></p> <p>+ Nghe: Sử dụng từ khóa để đoán câu trả lời; xác định từ đồng nghĩa và cách diễn đạt đồng nghĩa</p> <p>+ Viết: Xem xét hai mặt của một ý kiến thảo luận; tiếp cận và xử lý câu hỏi; sắp xếp ý trong bài luận</p> <p>- <b>Các dạng bài làm:</b></p> <p>+ Nghe: Câu hỏi lựa chọn; câu trả lời ngắn; hoàn thành bản ghi nhớ</p>

Nội dung	Các tiêu mục
	+ Viết: Trình bày quan điểm trái chiều
<b>Nội dung 5:</b> <b>Transport and Inventions</b>	<b>- Các kĩ năng ngôn ngữ:</b> + Đọc: Đồ thị hóa thông tin từ bài đọc; tái cấu trúc bài đọc + Nói: Xác định các dạng câu hỏi; chọn cách trả lời phù hợp; nêu và bảo vệ ý kiến của mình <b>- Các dạng bài làm:</b> + Đọc: Ghép các tiêu đề với các đoạn; câu hỏi lựa chọn + Nói: Thảo luận hai chiều
<b>Định hướng kĩ năng làm bài thi</b>	- Giới thiệu dạng bài kiểm tra số 1 và 2 - Luyện tập từng dạng bài và rút ra cách làm bài thi đạt kết quả cao - Kĩ năng tự luyện tập và khai thác thông tin
<b>Nội dung 6:</b> <b>The Natural World</b>	<b>- Các kĩ năng ngôn ngữ:</b> + Nghe: xác định quan điểm; nhận dạng người nói + Viết: Sử dụng ngôn ngữ chỉ xu hướng, miêu tả xu hướng <b>- Các dạng bài làm:</b> + Nghe: Phân loại; hoàn thành bảng biểu, hoàn thành tóm tắt + Viết: Miêu tả xu hướng trong đồ thị đường (line graphs), bảng biểu
<b>Nội dung 7:</b> <b>Food and Diet</b>	<b>- Các kĩ năng ngôn ngữ:</b> + Đọc: Nhận biết quan điểm + Nói: Miêu tả kinh nghiệm; phát triển ý <b>- Các dạng bài làm:</b> + Đọc: Yes/ No/ Not Given; hoàn thành tóm tắt + Nói: Thảo luận hai chiều
<b>Nội dung 8:</b>	<b>- Các kĩ năng ngôn ngữ:</b> + Nghe: Nghe hiểu một đoạn miêu tả; xác định điểm khác biệt giữa

Nội dung	Các tiêu mục
<b>Sickness and Health</b>	các bức tranh + Viết: Củng cố ý tưởng và quan điểm; tìm các ý ủng hộ và phản đối; cấu trúc một bài viết trình bày quan điểm trái chiều - <b>Các dạng bài làm:</b> + Nghe: Gắn nhãn cho một đồ hình, câu hỏi lựa chọn + Viết: Bài luận trình bày quan điểm trái chiều
<b>Nội dung 9: Test Review</b>	- Các phần thi cụ thể của bài thi. - Các dạng bài phổ biến trong các bài thi. - Chữa bài và rút ra các điểm lưu ý.
<b>Ôn tập</b>	- Hệ thống toàn bộ kiến thức đã học từ đầu - Ôn lại các dạng bài theo định dạng bài thi - Lưu ý về kỹ năng làm bài thi

## 6. Học liệu

### 6.1. Học liệu bắt buộc

1. Hallows, R., Lisboa, M. & Unwin, M. (2006), *IELTS Express Coursebook*, Thompson ELT: Italy
2. Hallows, R., Lisboa, M. & Unwin, M. (2006), *IELTS Express Workbook*, Thompson ELT: Italy

### 6.2. Học liệu bổ trợ

1. Williams, A. (2011), *Writing for IELTS*, Collins: Italy.
2. Aish, F. & Tomlinson, J (2011), *Listening for IELTS*, Collins: Italy.
3. Geyte, E. V. (2011), *Reading for IELTS*, Collins: Italy.
4. Kovacs, K. (2011), *Speaking for IELTS*, Collins: Italy.
5. O'Connell, S. (2006). *Focus on IELTS Foundation*. Pearson Longman: London
6. British Council. *Practice your Pron* (A self study pronunciation programme)

## 7. Websites:

- a. <http://englishteststore.net/>
- b. <http://www.esolcourses.com/>
- c. <http://www.ihbristol.com/free-english-exercises/esol>
- d. <http://www.iteslj.org/links>
- e. <http://www.learnenglish.org.uk>
- f. <http://www.world-english.org/>
- g. [www.bbc.co.uk](http://www.bbc.co.uk)
- h. [www.englishclub.com](http://www.englishclub.com)
- i. [www.esl.cafe.com](http://www.esl.cafe.com)
- j. [www.world-english.org](http://www.world-english.org)

## 7. Hình thức tổ chức dạy học

Nội dung	Hình thức tổ chức môn học		
	Lí thuyết	Thực hành	Tự học
<b>Nhập môn</b>	2	2	1
Nội dung 1	2	2	0.5
Nội dung 2	2	2	0.5
Nội dung 3	2	2	0.5
Nội dung 4	2	2	0.5
Nội dung 5	2	2	0.5
Nội dung 6	2	2	0.5
Định hướng kĩ năng làm bài thi	4	4	1
Nội dung 7	2	2	0.5
Nội dung 8	2	2	0.5
Nội dung 9	4	3	0.5
Ôn tập	4	5	0.5
Kiểm tra	0	7	1
<b>Tổng số</b>	<b>30</b>	<b>37</b>	<b>8</b>

## 8. Chính sách đối với môn học và các yêu cầu khác

*Sinh viên cần:*

- Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của môn học được ghi trong đề cương môn học;
- Tham dự đầy đủ các buổi học và bài kiểm tra số 1 và 2; nếu sinh viên nghỉ quá 20% số buổi học sẽ không được phép tham dự bài kiểm tra kết thúc học phần;
- Nộp các bài thực hành viết cho giảng viên một tuần sau khi sinh viên được giao bài;
- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp và làm bài tập về nhà theo hướng dẫn.

## 9. Phương pháp, hình thức kiểm tra đánh giá kết quả môn học

### 9.1. Hình thức, mục đích, tỉ trọng các bài kiểm tra đánh giá

Hình thức	Mục đích kiểm tra	Trọng số
Bài kiểm tra tiến độ số 1	Đánh giá khả năng của sinh viên ở kỹ năng Ngữ pháp-Từ vựng- Đọc hiểu	20 %
Bài kiểm tra tiến độ số 2	Đánh giá khả năng của sinh viên ở kỹ năng Nói, trình bày ý tưởng và thảo luận.	20 %
Bài kiểm tra kết thúc học phần	Đánh giá khả năng của sinh viên ở kỹ năng Nghe-Đọc-Viết.	60 %

**Chú ý:**

- Điểm môn học quy về thang điểm 10. Có thể lấy điểm lẻ, làm tròn đến 1 số thập phân. Ví dụ 7.3.

- Dạng thức của bài kiểm tra tiến độ và bài kiểm tra kết thúc học phần theo quy định của trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội.

### 9.2. Lịch thi, kiểm tra

STT	Hình thức kiểm tra, đánh giá	Thời gian
1	Bài kiểm tra tiến độ số 1	Tuần 8
2	Bài kiểm tra tiến độ số 2	Tuần 12
3	Bài kiểm tra kết thúc học phần	Từ 1 - 4 tuần sau khi kết thúc môn học